



SUMITOMO MITSUI
BANKING CORPORATION

BIỂU PHÍ NGÂN HÀNG
Chi nhánh Thành phố Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

(Hiệu lực từ ngày 21/04/2025)

DỊCH VỤ TÀI KHOẢN	
Mở tài khoản/ Duy trì tài khoản	Miễn phí
Phí duy trì tài khoản không hoạt động	420.000 VNĐ/tháng/tài khoản
Phát hành sao kê hàng tháng	Miễn phí
Phát hành sao kê hàng tháng (Bản thứ hai)	105.000 VNĐ/bản + Phí gửi thư nước ngoài (nếu có)
Xác nhận kiểm toán/ Xác nhận số dư/ Xác nhận vay/ Xác nhận khác	210.000 VNĐ + Phí gửi thư nước ngoài (nếu có)
GIAO DỊCH TIỀN MẶT	
Nộp tiền mặt	
Bằng VNĐ	450.000 VNĐ
Bằng USD	450.000 VNĐ
Rút tiền mặt	
Bằng VNĐ	450.000 VNĐ
Bằng USD	450.000 VNĐ
CHUYỂN TIỀN	
Chuyển tiền đến	
Khách hàng có tài khoản tại SMBC	Miễn phí
Chuyển vào Tài khoản của Khách hàng tại các Ngân hàng khác ở Việt Nam	100.000 VNĐ
Chuyển tiền đi	
Chuyển tiền trong nước	
Chuyển tiền qua SMAR&TS	
Lệnh giá trị thấp (< 500.000.000 VNĐ)	25.000 VNĐ
Lệnh giá trị cao (≥ 500.000.000 VNĐ)	0,05% (tối đa 800.000 VNĐ)
Lệnh thanh toán lương	25.000 VNĐ
Chuyển tiền bằng lệnh giấy	
Lệnh giá trị thấp (< 500.000.000 VNĐ)	200.000 VNĐ
Lệnh giá trị cao (≥ 500.000.000 VNĐ)	0,2% (tối đa 2.100.000 VNĐ)
Lệnh thanh toán lương	200.000 VNĐ
Hủy/ Ngưng lệnh chuyển tiền	80.000 VNĐ

Điều chỉnh thông tin lệnh chuyển tiền	80.000 VNĐ
Chuyển lại lệnh bị hoàn trả	Thu phí như lệnh chuyển tiền mới
Chuyển tiền nước ngoài	
Chuyển tiền qua SMAR&TS	0,1% (tối thiểu 10 USD, tối đa 100 USD) + Điện phí 20 USD
Chuyển tiền bằng lệnh giấy	0,2% (tối thiểu 20 USD, tối đa 200 USD) + Điện phí 20 USD
Hủy/ Ngưng lệnh chuyển tiền	420.000 VNĐ + Điện phí 230.000 VNĐ + Phí Ngân hàng trung gian (nếu có)
Điều chỉnh lệnh chuyển tiền	210.000 VNĐ + Điện phí 230.000 VNĐ + Phí Ngân hàng trung gian (nếu có)
Tra soát lệnh chuyển tiền	210.000 VNĐ + Điện phí 230.000 VNĐ
Phí Ngân hàng trung gian	Thu theo phí phát sinh thực tế (không phát sinh VAT)
Chuyển tiền nội bộ	
Cùng hệ thống SMBC tại Việt Nam	Miễn phí
DỊCH VỤ THANH TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU	
Xuất khẩu	
Thông báo thư tín dụng	
Khách hàng có tài khoản ở SMBC	25 USD 580.000 VNĐ
Khách hàng khác	35 USD 800.000 VNĐ
Thông báo tu chỉnh thư tín dụng	
Khách hàng có tài khoản ở SMBC	10 USD 230.000 VNĐ
Khách hàng khác	20 USD 460.000 VNĐ
Thông báo hủy thư tín dụng	
	10 USD 230.000 VNĐ
Chuyển nhượng thư tín dụng	
	0,125% (tối thiểu 50 USD) 0,125% (tối thiểu 1.150.000 VNĐ)
Chiết khấu bộ chứng từ mở theo L/C	
Thư tín dụng trả ngay	0,25% (tối thiểu 20 USD) + Lãi suất + Phí gửi thư 0,25% (tối thiểu 460.000 VNĐ) + Lãi suất + Phí gửi thư
Thư tín dụng trả chậm	0,25% (tối thiểu 20 USD) + Lãi suất + Phí gửi thư 0,25% (tối thiểu 460.000 VNĐ) + Lãi suất + Phí gửi thư
Bộ chứng từ có bất hợp lệ	10 USD + Điện phí 10 USD 230.000 VNĐ + Điện phí 230.000 VNĐ
Nhờ thu kèm chứng từ (trả ngay/trả chậm)	
Phí nhờ thu	0,25% (tối thiểu 20 USD, tối đa 200 USD) + Phí gửi thư 0,25% (tối thiểu 460.000 VNĐ, tối đa 4.600.000 VNĐ) + Phí gửi thư
Nhập khẩu	
Thư tín dụng	
Phí phát hành	
Thư tín dụng trả ngay	0,125%/tháng (tối thiểu 25 USD) + Điện phí 50 USD 0,125%/tháng (tối thiểu 580.000 VNĐ) + Điện phí 1.150.000 VNĐ
Thư tín dụng trả chậm	0,125%/tháng (tối thiểu 25 USD) + Điện phí 50 USD 0,125%/tháng (tối thiểu 580.000 VNĐ) + Điện phí 1.150.000 VNĐ

Phí thanh toán (Thư tín dụng trả ngay)	0,125% (tối thiểu 20 USD) + Điện phí 20 USD 0,125% (tối thiểu 460.000 VNĐ) + Điện phí 460.000 VNĐ
Phí chấp nhận và thanh toán (Thư tín dụng trả chậm)	
Phí chấp nhận	0,125%/tháng* (tối thiểu 25 USD) + Điện phí 10 USD 0,125%/tháng* (tối thiểu 580.000 VNĐ) + Điện phí 230.000 VNĐ * tính từ ngày chấp nhận đến ngày thanh toán
Phí thanh toán	0,125% (tối thiểu 20 USD) + Điện phí 20 USD 0,125% (tối thiểu 460.000 VNĐ) + Điện phí 460.000 VNĐ
Tu chỉnh tăng số tiền/ Gia hạn	0,125%/tháng (tối thiểu 25 USD) + Điện phí 25 USD 0,125%/tháng (tối thiểu 580.000 VNĐ) + Điện phí 580.000 VNĐ
Tu chỉnh khác/ Hủy thư tín dụng	25 USD 580.000 VNĐ
Chứng từ bất hợp lệ (người hưởng thanh toán)	50 USD 1.150.000 VNĐ
Hoàn trả L/C (người hưởng thanh toán)	50 USD 1.150.000 VNĐ
Nhờ thu D/A, D/P	
Phí nhờ thu bộ chứng từ	0,25% (tối thiểu 25 USD, tối đa 200 USD)+ Điện phí 20 USD 0,25% (tối thiểu 580.000 VNĐ, tối đa 4.600.000 VNĐ) + Điện phí 460.000 VNĐ
Thông báo chấp nhận thanh toán	Điện phí 10 USD Điện phí 230.000 VNĐ
Thư bảo lãnh nhận hàng	0,125%/tháng
THƯ BẢO LÃNH/ THƯ TÍN DỤNG DỰ PHÒNG	
Phát hành thư bảo lãnh/ Thư tín dụng dự phòng	2,0%/năm (tối thiểu 530.000 VNĐ)
Tu chỉnh	
Tăng số tiền/ Gia hạn	2,0%/năm (tối thiểu 530.000 VNĐ)
Tu chỉnh khác	530.000 VNĐ
Điện phí (nếu có)	1.150.000 VNĐ
Thông báo thư bảo lãnh	
Bản gốc/ Tu chỉnh	530.000 VNĐ
DỊCH VỤ QUẢN LÝ TIỀN MẶT	
SMAR&TS	
Phí đăng ký	1.050.000 VNĐ
Phí sử dụng hàng tháng	1.050.000 VNĐ
Dịch vụ Quét tiền mặt	
Phí đăng ký	210.000 VNĐ
Phí sửa đổi	210.000 VNĐ
H2H	
Phí đăng ký	525.000.000 VNĐ
Phí sử dụng hàng tháng	8.400.000 VNĐ
MT940/MT942	

Phí sử dụng hàng tháng	1.050.000 VNĐ
SMAR&TS TRADE	
Phí sử dụng hàng tháng	420.000 VNĐ
Perfect	
Phí đăng ký	11.500.000 VNĐ
Phí sử dụng hàng tháng	11.500.000 VNĐ
SWIFT Score	
Phí đăng ký	Theo thỏa thuận
Phí sử dụng hàng tháng	Theo thỏa thuận
PHÍ GỬI THƯ VÀ ĐIỆN PHÍ	
Phí gửi thư trong nước	30.000 VNĐ
Phí gửi thư nước ngoài	50 USD 1.150.000 VNĐ
Điện phí khác	10 USD 230.000 VNĐ

- Lưu ý:**
1. Biểu phí dịch vụ trên đây chưa bao gồm 10% Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") (trừ khi được đề cập khác đi trong Biểu phí Ngân hàng).
 2. Biểu phí cho các dịch vụ khác không liệt kê ở đây sẽ được cung cấp theo yêu cầu của Khách hàng.
 3. Phí dịch vụ sẽ được thu theo mức của (các) loại tiền tệ (như được báo giá trong Biểu phí Ngân hàng này) hoặc theo số tiền tương đương bằng loại ngoại tệ khác (như được pháp luật cho phép đối với mỗi giao dịch cụ thể). Theo các quy định pháp luật hiện hành, Ngân hàng, theo quyết định riêng của mình, sẽ áp dụng tỷ giá hối đoái giao ngay được Ngân hàng công bố vào ngày giao dịch cho việc chuyển đổi loại ngoại tệ liên quan.
 4. Phí dịch vụ của các giao dịch Thanh toán xuất nhập khẩu bằng VNĐ sẽ được thu theo mức phí được báo giá bằng VNĐ trong Biểu phí Ngân hàng này. Các giao dịch Thanh toán xuất nhập khẩu khác sẽ áp dụng biểu phí bằng USD.